

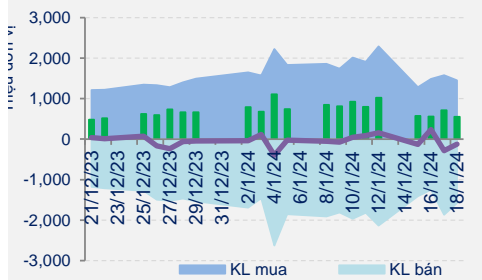
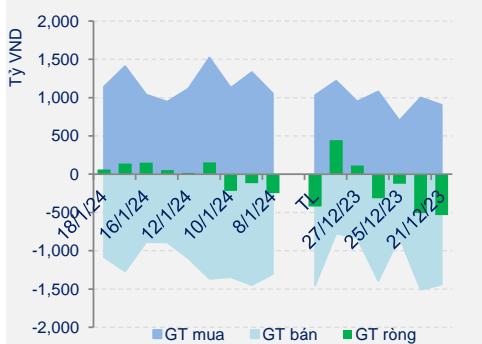
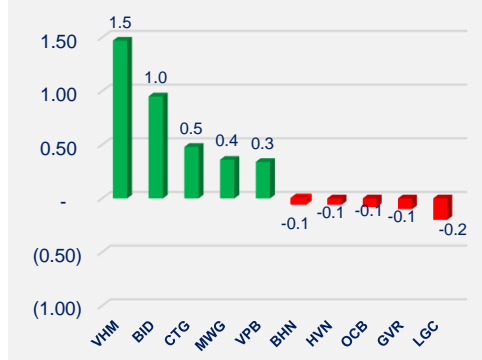
# MARKET LENS

18/1/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,169.06      | 229.93      |
| % Thay đổi          | ↑ 0.56%       | ↑ 0.19%     |
| KLGD (CP)           | 550,609,506   | 50,394,197  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 13,169.48     | 958.40      |
| Tổng cung (CP)      | 1,576,697,292 | 124,834,200 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,454,954,104 | 88,532,000  |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 31,566,646 | 1,350,030 |
| KL mua (CP)       | 31,333,829 | 691,529   |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,145.56   | 22.01     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,084.81   | 46.54     |
| GT ròng (tỷ đồng) | 60.74      | (24.53)   |

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE

**Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX**


Với đa số phiếu tán thành, Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) và bổ sung kỳ họp. Luật Đất đai (sửa đổi) với rất nhiều nội dung mới sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2025, ngoại trừ Điều 190 và Điều 248 có hiệu lực thi hành từ ngày 1-4-2024 và Khoản 9 Điều 60 có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 61/2022/QH15 hết hiệu lực thi hành. Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2024, trừ Khoản 3 Điều 200 và khoản 15 Điều 210 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

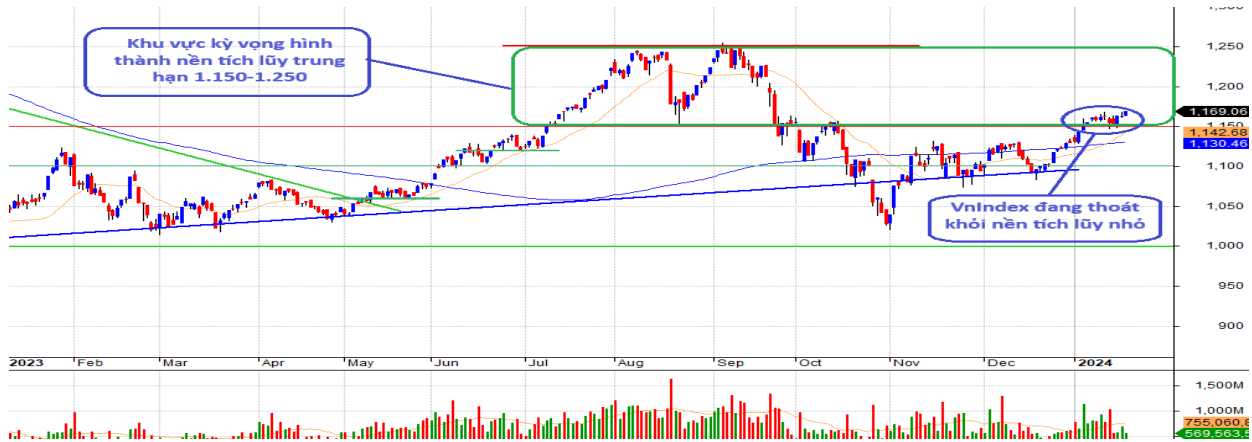
VN-INDEX đã có diễn biến tích cực trong ngày các đạo luật quan trọng được thông qua khi tăng điểm ngay từ đầu phiên, đà tăng duy trì đến cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX tăng 6,53 điểm (+0,56%) lên mức 1.169,06 điểm dưới ảnh hưởng tích cực của VN30 khi VN30 cũng đang vượt lên đường giá trung bình MA200 tuần. HNX-INDEX tăng 0,43 điểm (+0,19%) lên mức 229,93 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiên về tích cực với 369 mã tăng giá (13 mã tăng trần), 241 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 197 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 14.120,94 tỷ đồng trong phiên đảo hạn phái sinh kỳ hạn tháng 01/2024, giảm 22,10% so với phiên trước, dưới mức trung bình, thể hiện mức độ phân hóa mạnh trong khi dòng tiền vẫn đang có tín hiệu luân chuyển nhanh qua các nhóm ngành. Khối ngoại gia duy trì mua ròng trên HOSE với giá trị 60,74 tỷ đồng, tập trung mua ròng khá mạnh ở MWG; bán ròng trên HNX với giá trị 24,53 tỷ đồng, trong đó bán mạnh ở nhóm cổ phiếu dầu khí.

Sau nhóm chứng khoán phiên trước, các cổ phiếu bất động sản có diễn biến nổi bật trong phiên hôm nay khi Luật đất đai (sửa đổi) được thông qua, hầu hết tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng đột biến trên mức trung bình như NLG (+5,24%), KDH (+3,81%), VHM (+3,10%), HD6 (+2,82%), IJC (+1,75%)... ngoài các mã chịu áp lực giảm điểm FIR (-6,67%), QCG (-2,62%), SJS (-0,73%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng với TIP (+2,85%), SIP (+2,23%), LHG (+2,17%), KBC (+1,45%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau những phiên phân hóa mạnh, chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản giảm, đa số tăng giá tốt trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng tốt, vượt mức trung bình như LPB (+2,96%), BID (+1,39%), CTG (+1,12%), VPB (+1,04%).... Trong khi các cổ phiếu dịch vụ tài chính sau phiên giao dịch đột biến đã phân hóa, đa số điều chỉnh nhẹ, thanh khoản giảm với VIG (-2,56%), HCM (-1,01%), MBS (-0,42%).... ngoài các mã vẫn tăng giá tích cực như TVB (+6,85%), BSI (+3,36%)... Trong khi đó đa số các nhóm ngành khác biến động trong biên độ hẹp, phân hóa với thanh khoản suy giảm.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 tăng 6,8 điểm trong phiên đảo hạn phái sinh kỳ hạn VN30F2401. Thị trường sẽ chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2402 ở mức 1.176,5 điểm, mức chênh lệch dương 2,59 điểm so với VN30. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,69 điểm đến - 1,51 điểm. Thể hiện các trader vẫn lạc quan về xu hướng tăng ngắn hạn của VN30, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn khi ngắn hạn VN30 đang vùng quá mua.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Thị trường tăng điểm phiên hôm nay giúp Vn-Index bật lên trên nền tích lũy nhỏ và mở ra khả năng hình thành nhịp tăng ngắn hạn mới như chúng tôi đã nhận định. Chốt phiên thị trường tăng 6,53 điểm (+0,56%) và đóng cửa ở 1.169,06 điểm. Tuy nhiên điểm số và động lực tăng của phiên hôm nay không thực sự tốt nên khả năng Vn-Index điều chỉnh, rung lắc trong các phiên tới là có thể xảy ra. Nếu VnIndex hình thành nhịp tăng mới thì các ngưỡng cản ngắn hạn lần lượt là vùng 1.080 điểm - 1.200 điểm và xa hơn là 1.250 điểm.

Về trung hạn Vn-Index đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Phiên hôm nay thị trường tăng điểm trở lại và phát tín hiệu cho nhịp tăng ngắn hạn mới, đây là vận động tích cực và đúng như chúng tôi thường xuyên dự báo. Nhà đầu tư ngắn hạn tuy nhiên không nên mua đuổi với tỷ trọng lớn mà nên chờ phiên điều chỉnh để giải ngân. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

18/1/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
|     |                          |                                  |                           |                         | P/E             | T.trường<br>Doanh thu | T.trường<br>Lợi nhuận |                     |
| DPM | 33.25                    | 31-33                            | 38-39                     | 29                      | 8.3             | -17.2%                | -93.6%                | Theo dõi giải ngân  |
| DRC | 27.95                    | 25-26.3                          | 29.5-30.5                 | 23                      | 14.2            | -17.0%                | -1.8%                 | Theo dõi giải ngân  |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị<br>thé | MÃ  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả đầu<br>tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|-------------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------------|
| 1/11/2023         | BVS | 25.90                    | 22.3                | 28-28.5                   | 25                      | 16.1%                  | Nắm giữ                    |
| 8/11/2023         | PHR | 48.50                    | 45.1                | 52-53                     | 48                      | 7.5%                   | Nắm giữ                    |
| 20/12/2023        | PVD | 27.35                    | 27.55               | 30-31                     | 26.5                    | -0.7%                  | Nắm giữ                    |
| 27/12/2023        | TNH | 19.65                    | 18.09               | 23-24                     | 19                      | 8.6%                   | Nắm giữ                    |

**TIN VĨ MÔ**

**Quốc hội đồng ý dùng gần 64.000 tỷ đầu tư công cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương**

Sáng 18/1, Quốc hội đã chính thức thông qua dự thảo Nghị quyết về việc sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025... Với đa số đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, sáng 18/1, Quốc hội đã chính thức thông qua dự thảo Nghị quyết về việc sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**Quốc hội thông qua Luật Đất đai sửa đổi**

Tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, với đa số đại biểu tán thành, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) với rất nhiều nội dung mới. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Luật Đất đai (sửa đổi) gồm 16 chương, 260 điều, tăng thêm 2 chương so với Luật Đất đai năm 2013 (bổ sung thêm 1 chương quy định về phát triển quỹ đất và tách chương thu hồi đất, trưng dụng đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành 02 chương), trong đó sửa đổi, bổ sung 180 điều, bổ sung mới 78, bỏ 30 Điều (do gộp 13 điều; bỏ 13 điều và tách 4 điều).

**Giá xăng lên gần 22.500 đồng một lít**

Mỗi lít xăng tăng 370-550 đồng, các mặt hàng dầu cũng đắt thêm 200-490 đồng tùy loại, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 550 đồng, lên mức 22.480 đồng một lít; E5 RON 92 tăng 379 đồng, lên 21.410 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng tăng giá (trừ dầu mazut) và có giá mới 20.190-20.530 đồng một lít so với cách đây 7 ngày. Như vậy đây là lần tăng giá thứ hai liên tiếp của nhiên liệu trong nước từ đầu tháng 1.

**Xử lý sở hữu chéo, thao túng, chi phối tổ chức tín dụng**

Với đa số đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi)... Sáng 18/1/2024, tiếp tục Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV, Quốc hội biểu quyết thông qua Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi). Báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo luật, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế Vũ Hồng Thanh cho biết, đây là dự án luật có nhiều nội dung chuyên sâu, có tác động trực tiếp đến chính sách tài chính, tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô, việc tiếp thu, hoàn thiện dự thảo luật được thực hiện kỹ lưỡng, thận trọng, phù hợp với đường lối, chính sách và Hiến pháp 2013.



## TIN DOANH NGHIỆP

### **Chứng khoán VIX vượt kế hoạch 2023, ra mắt hệ thống giao dịch mới**

Chứng khoán VIX vừa công bố số liệu kinh doanh năm 2023 trên thị trường. Theo báo cáo tài chính vừa công bố, kết thúc năm 2023, VIX ghi nhận tổng doanh thu đạt 1,624 tỷ đồng, tăng 36.7% và lợi nhuận trước thuế đạt 1,198.8 tỷ đồng, tăng gấp ba so với năm trước (năm 2022 báo lãi trước thuế 376.3 tỷ đồng). Tính tới cuối năm 2023, tổng tài sản của VIX đạt 9,086.8 tỷ đồng, tăng 11.5% so với năm trước. Trong đó, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt hơn 5,791 tỷ đồng, chiếm 64% tổng tài sản.

### **Lãi ròng Bảo hiểm Agribank giảm 36% trong quý 4/2023**

Kết thúc quý 4/2023, CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam (ABIC, UPCoM: ABI) thu về lợi nhuận ròng hơn 34 tỷ đồng, giảm 36% so với cùng kỳ năm trước, dù hoạt động kinh doanh bảo hiểm và tài chính đều tăng lãi. Trong quý 4/2023, doanh thu phí bảo hiểm gốc chỉ tăng nhẹ 2% so cùng kỳ, lên gần 556 tỷ đồng. Dù vậy, ABI vẫn có doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng 12% lên hơn 573 tỷ đồng, nhờ được hoàn nhập dự phòng doanh thu phí bảo hiểm gốc hơn 16 tỷ đồng và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tăng 52% lên hơn 21 tỷ đồng.

### **Năm 2023, Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS) báo lãi hơn 3.028 tỷ đồng, vượt 51% kế hoạch**

Lợi nhuận trước thuế quý IV/2023 CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS) ghi nhận 880 tỷ đồng, tăng 176% so với cùng kỳ và lũy kế cả năm đạt hơn 3.028 tỷ đồng, vượt 51% kế hoạch (2.000 tỷ đồng). Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) cuối quý IV/2023 lần lượt ở mức 13% và 7%, giảm so với cùng kỳ năm ngoái do nguồn vốn chủ sở hữu tăng 115% sau khi Công ty hoàn thành đợt tăng vốn trong năm 2023.

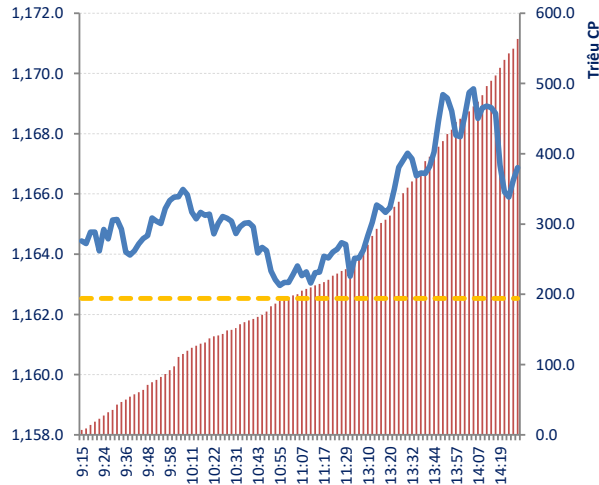
### **Vượt kế hoạch năm 2023, PVT Logistics (PDV) tiếp tục lên kế hoạch tăng trưởng trong năm 2024**

CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics, mã PDV – UPCoM) tổ chức sơ kết tình hình kinh doanh năm 2023 và kế hoạch triển khai trong năm 2024. Kết thúc năm 2023, PVT Logistics ước tính tổng doanh thu 1.115 tỷ đồng, vượt 6% so với kế hoạch 1.050 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế ước đạt 80,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 63,7 tỷ đồng, vượt 43% so với kế hoạch lãi 44 tỷ đồng; nộp Ngân sách Nhà nước tới 16,7 tỷ đồng, vượt 33% so với kế hoạch là 12,5 tỷ đồng. Bước sang năm 2024, PVT Logistics lên kế hoạch tổng doanh thu 1.200 tỷ đồng, tăng 8% so với ước tính thực hiện năm 2023; lợi nhuận sau thuế 64 tỷ đồng, tăng 6% so với ước tính thực hiện năm 2023;

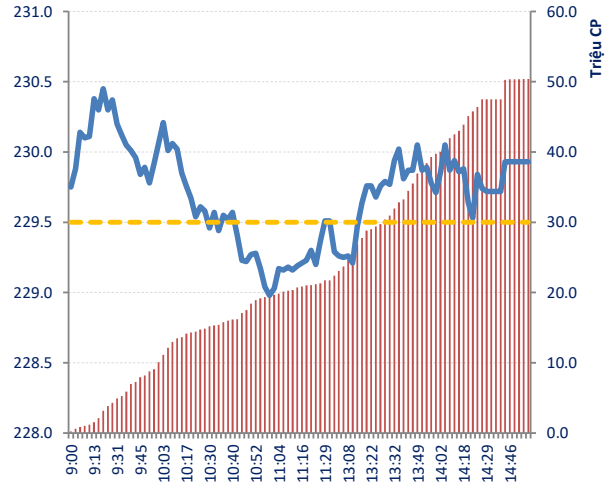


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

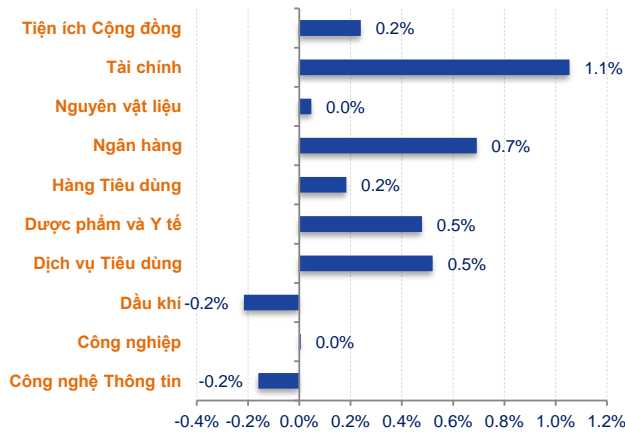
#### KLGD và VN-Index trong phiên



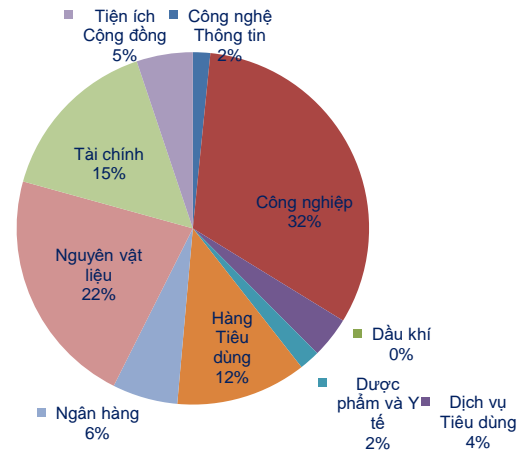
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



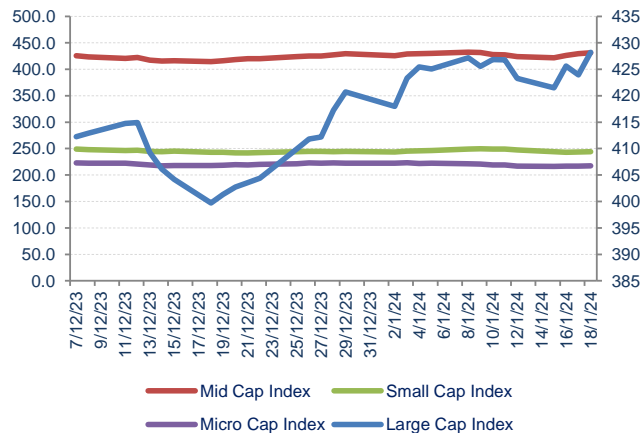
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



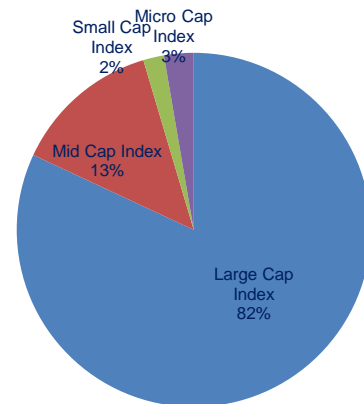
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK    | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|----------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | MWG   | 2,675,930   | VRE      | 2,326,615   | 1  | IDC   | 265,700     | PVS   | 1,039,900   |
| 2  | VHM   | 2,222,031   | LPB      | 1,816,051   | 2  | CEO   | 109,300     | HUT   | 37,800      |
| 3  | VPB   | 1,705,846   | VND      | 1,172,114   | 3  | MBG   | 80,000      | DXP   | 28,000      |
| 4  | VCG   | 1,471,800   | PVD      | 1,093,602   | 4  | SHS   | 20,900      | NVB   | 13,500      |
| 5  | DXG   | 771,605     | FUEVFVND | 820,800     | 5  | AAV   | 17,300      | LHC   | 11,200      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD       | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|---------|------------|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 12.00      | 12.05    | ↑ 0.42% | 26,279,200 | SHS | 18.60      | 18.60    | → 0.00%  | 10,709,801 |
| MBB | 21.50      | 21.70    | ↑ 0.93% | 23,706,300 | CEO | 21.80      | 22.00    | ↑ 0.92%  | 6,272,216  |
| VIX | 17.45      | 17.45    | → 0.00% | 19,289,900 | MBG | 5.50       | 5.30     | ↓ -3.64% | 4,859,528  |
| DIG | 26.85      | 27.00    | ↑ 0.56% | 17,360,200 | PVS | 37.10      | 37.10    | → 0.00%  | 2,784,103  |
| STB | 29.70      | 29.80    | ↑ 0.34% | 14,758,500 | MBS | 23.70      | 23.60    | ↓ -0.42% | 2,525,148  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|----------|
| MCP | 35.05      | 37.50    | 2.45 | ↑ 6.99% | VNT | 34.00      | 37.40    | 3.40 | ↑ 10.00% |
| VFG | 36.00      | 38.50    | 2.50 | ↑ 6.94% | DTG | 23.00      | 25.30    | 2.30 | ↑ 10.00% |
| HBC | 8.12       | 8.68     | 0.56 | ↑ 6.90% | NAP | 9.00       | 9.90     | 0.90 | ↑ 10.00% |
| HRC | 48.10      | 51.40    | 3.30 | ↑ 6.86% | BCF | 29.60      | 32.50    | 2.90 | ↑ 9.80%  |
| TVB | 5.40       | 5.77     | 0.37 | ↑ 6.85% | GDW | 26.60      | 29.20    | 2.60 | ↑ 9.77%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         | Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|-----|------------|----------|-------|-----------|
| ORS | 17.40      | 15.20    | -2.20 | ↓ -12.64% | TMX | 10.00      | 9.00     | -1.00 | ↓ -10.00% |
| SFC | 25.40      | 23.50    | -1.90 | ↓ -7.48%  | KTT | 5.20       | 4.70     | -0.50 | ↓ -9.62%  |
| RDP | 9.02       | 8.39     | -0.63 | ↓ -6.98%  | THB | 12.50      | 11.30    | -1.20 | ↓ -9.60%  |
| ADP | 21.55      | 20.05    | -1.50 | ↓ -6.96%  | TKG | 13.80      | 12.60    | -1.20 | ↓ -8.70%  |
| HSL | 7.99       | 7.44     | -0.55 | ↓ -6.88%  | QHD | 36.50      | 33.50    | -3.00 | ↓ -8.22%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHB | 26,279,200 | 15.9% | 2,036 | 5.9   | 0.9 |
| MBB | 23,706,300 | 22.4% | 4,290 | 5.0   | 1.2 |
| VIX | 19,289,900 | 8.2%  | 1,005 | 17.4  | 1.4 |
| DIG | 17,360,200 | 1.4%  | 182   | 147.7 | 2.1 |
| STB | 14,758,500 | 17.5% | 3,825 | 7.8   | 1.3 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHS | 10,709,801 | 5.4%  | 643   | 28.9 | 1.5 |
| CEO | 6,272,216  | 6.7%  | 955   | 22.8 | 1.8 |
| MBG | 4,859,528  | 2.6%  | 283   | 19.4 | 0.5 |
| PVS | 2,784,103  | 6.7%  | 1,846 | 20.1 | 1.3 |
| MBS | 2,525,148  | 12.3% | 1,334 | 17.8 | 2.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE     | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|--------|---------|---------|-------|-----|
| MCP | ↑ 7.0% | 8.8%    | 1,392   | 25.2  | 2.1 |
| VFG | ↑ 6.9% | 21.3%   | 5,860   | 6.1   | 1.3 |
| HBC | ↑ 6.9% | -146.3% | (7,611) | -     | 6.3 |
| HRC | ↑ 6.9% | 2.0%    | 353     | 136.4 | 2.7 |
| TVB | ↑ 6.9% | 1.1%    | 105     | 51.2  | 0.6 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|---------|------|-----|
| VNT | ↑ 10.0% | -8.4% | (1,199) | -    | 2.5 |
| DTG | ↑ 10.0% | 14.3% | 2,500   | 9.2  | 1.1 |
| NAP | ↑ 10.0% | 8.5%  | 942     | 9.6  | 0.8 |
| BCF | ↑ 9.8%  | 17.1% | 1,894   | 15.6 | 2.6 |
| GDW | ↑ 9.8%  | 22.0% | 4,345   | 6.1  | 1.3 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| MWG | 2,675,930 | 3.0%  | 476   | 94.3 | 2.8 |
| VHM | 2,222,031 | 25.0% | 9,468 | 4.4  | 1.0 |
| VPB | 1,705,846 | 9.7%  | 1,466 | 13.2 | 1.2 |
| VCG | 1,471,800 | 2.8%  | 516   | 47.2 | 1.3 |
| DXG | 771,605   | -2.0% | (449) | -    | 0.8 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| IDC | 265,700 | 17.0% | 3,177 | 16.0 | 3.0 |
| CEO | 109,300 | 6.7%  | 955   | 22.8 | 1.8 |
| MBG | 80,000  | 2.6%  | 283   | 19.4 | 0.5 |
| SHS | 20,900  | 5.4%  | 643   | 28.9 | 1.5 |
| AAV | 17,300  | -2.2% | (260) | -    | 0.3 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 508,048 | 22.6% | 6,013 | 15.1 | 3.2 |
| BID | 267,065 | 17.6% | 3,450 | 13.6 | 2.0 |
| VHM | 182,448 | 25.0% | 9,468 | 4.4  | 1.0 |
| GAS | 172,715 | 19.0% | 5,283 | 14.2 | 2.3 |
| CTG | 167,275 | 15.7% | 3,377 | 9.2  | 1.2 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 17,733  | 6.7%  | 1,846 | 20.1  | 1.3 |
| HUT | 17,493  | 0.8%  | 122   | 161.0 | 1.6 |
| IDC | 16,731  | 17.0% | 3,177 | 16.0  | 3.0 |
| SHS | 15,125  | 5.4%  | 643   | 28.9  | 1.5 |
| THD | 13,629  | 2.9%  | 460   | 77.0  | 2.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| CTS | 2.45 | 7.9%  | 1,020 | 28.1 | 2.1 |
| GEX | 2.42 | 2.0%  | 511   | 42.2 | 0.8 |
| FCN | 2.41 | 1.1%  | 232   | 60.9 | 0.7 |
| FTS | 2.35 | 14.4% | 2,301 | 19.6 | 2.7 |
| QCG | 2.29 | -0.2% | (32)  | -    | 0.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

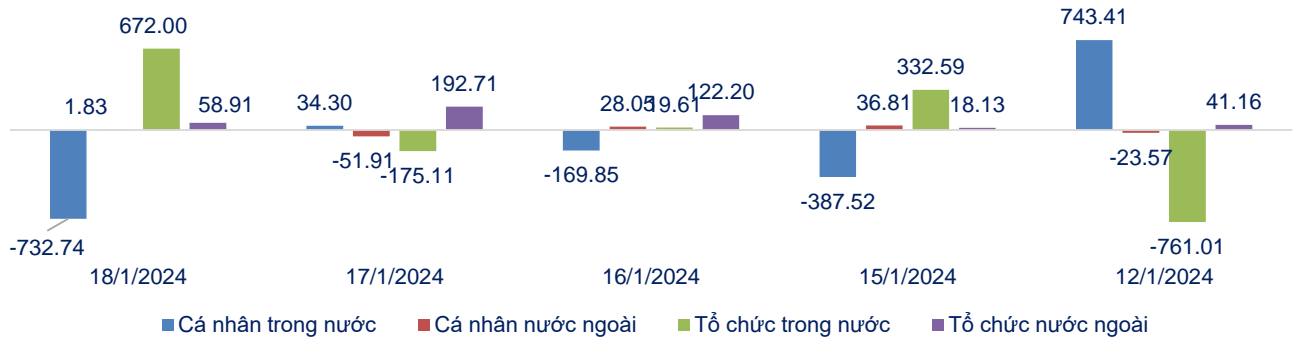
| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| VC7 | 2.87 | 6.2%  | 569   | 23.9 | 1.2 |
| SHS | 2.43 | 5.4%  | 643   | 28.9 | 1.5 |
| VIG | 2.32 | 6.8%  | 501   | 15.6 | 1.1 |
| MBS | 2.16 | 12.3% | 1,334 | 17.8 | 2.1 |
| IVS | 2.15 | 3.4%  | 362   | 28.5 | 0.9 |





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GMD | 35.92   | 25.9% | 7,606 | 9.2  | 2.2 |
| VND | 34.37   | 7.8%  | 957   | 22.9 | 1.7 |
| LPB | 30.78   | 14.3% | 1,663 | 10.2 | 1.3 |
| SBT | 29.00   | 4.9%  | 675   | 20.6 | 1.0 |
| PVD | 23.65   | 3.0%  | 779   | 35.4 | 1.0 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MWG | -129.50 | 3.0%  | 476   | 94.3 | 2.8 |
| STB | -95.33  | 17.5% | 3,825 | 7.8  | 1.3 |
| VHM | -90.66  | 25.0% | 9,468 | 4.4  | 1.0 |
| VCG | -79.74  | 2.8%  | 516   | 47.2 | 1.3 |
| PNJ | -63.34  | 19.8% | 5,501 | 16.1 | 3.1 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VRE | 5.81    | 11.8% | 1,818 | 12.8 | 1.5 |
| STB | 4.55    | 17.5% | 3,825 | 7.8  | 1.3 |
| GAS | 0.88    | 19.0% | 5,283 | 14.2 | 2.3 |
| MWG | 0.79    | 3.0%  | 476   | 94.3 | 2.8 |
| TTA | 0.69    | 6.7%  | 768   | 10.3 | 0.7 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|-------|------|-----|
| TTF | -2.20   | -11.0% | (110) | -    | 5.0 |
| PC1 | -1.34   | 3.6%   | 814   | 33.5 | 1.0 |
| CTG | -1.04   | 15.7%  | 3,377 | 9.2  | 1.2 |
| BID | -1.03   | 17.6%  | 3,450 | 13.6 | 2.0 |
| NLG | -1.03   | 4.8%   | 1,643 | 22.6 | 1.1 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| STB | 75.13   | 17.5% | 3,825 | 7.8  | 1.3 |
| PNJ | 64.42   | 19.8% | 5,501 | 16.1 | 3.1 |
| CTG | 51.63   | 15.7% | 3,377 | 9.2  | 1.2 |
| VIX | 49.95   | 8.2%  | 1,005 | 17.4 | 1.4 |
| VRE | 47.86   | 11.8% | 1,818 | 12.8 | 1.5 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| SBT | -27.72  | 4.9%  | 675   | 20.6  | 1.0 |
| HPG | -16.44  | 1.9%  | 322   | 85.9  | 1.6 |
| BCM | -12.00  | 2.5%  | 432   | 138.8 | 3.4 |
| ST8 | -11.47  | 69.7% | 7,932 | 2.7   | 2.0 |
| VND | -8.68   | 7.8%  | 957   | 22.9  | 1.7 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MWG | 120.89  | 3.0%  | 476   | 94.3 | 2.8 |
| VHM | 96.00   | 25.0% | 9,468 | 4.4  | 1.0 |
| VCG | 36.29   | 2.8%  | 516   | 47.2 | 1.3 |
| VCB | 34.04   | 22.6% | 6,013 | 15.1 | 3.2 |
| VPB | 33.17   | 9.7%  | 1,466 | 13.2 | 1.2 |

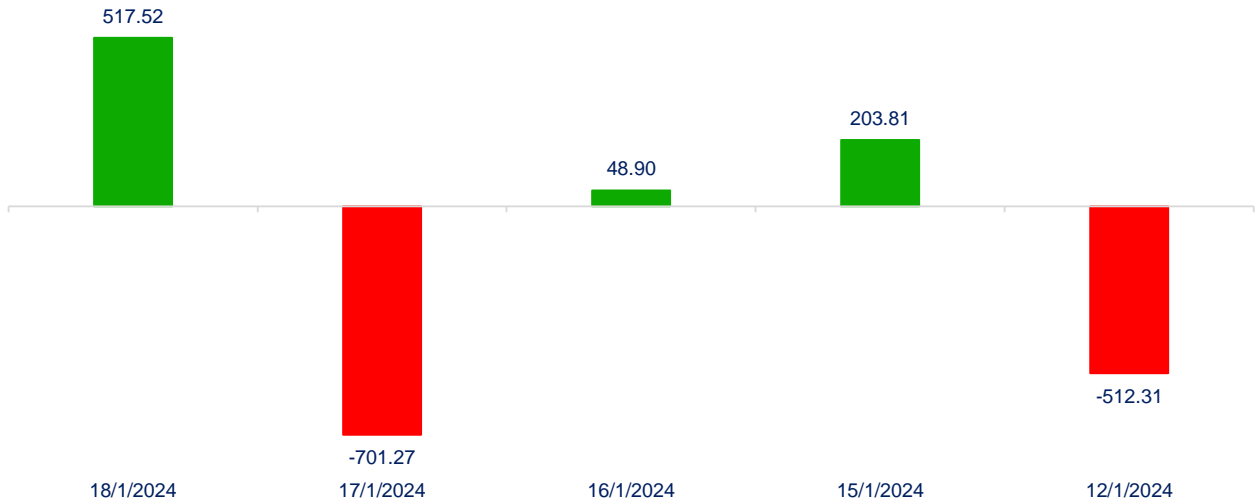
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VRE | -60.23  | 11.8% | 1,818 | 12.8 | 1.5 |
| GMD | -32.45  | 25.9% | 7,606 | 9.2  | 2.2 |
| LPB | -30.62  | 14.3% | 1,663 | 10.2 | 1.3 |
| PVD | -29.80  | 3.0%  | 779   | 35.4 | 1.0 |
| VND | -25.74  | 7.8%  | 957   | 22.9 | 1.7 |

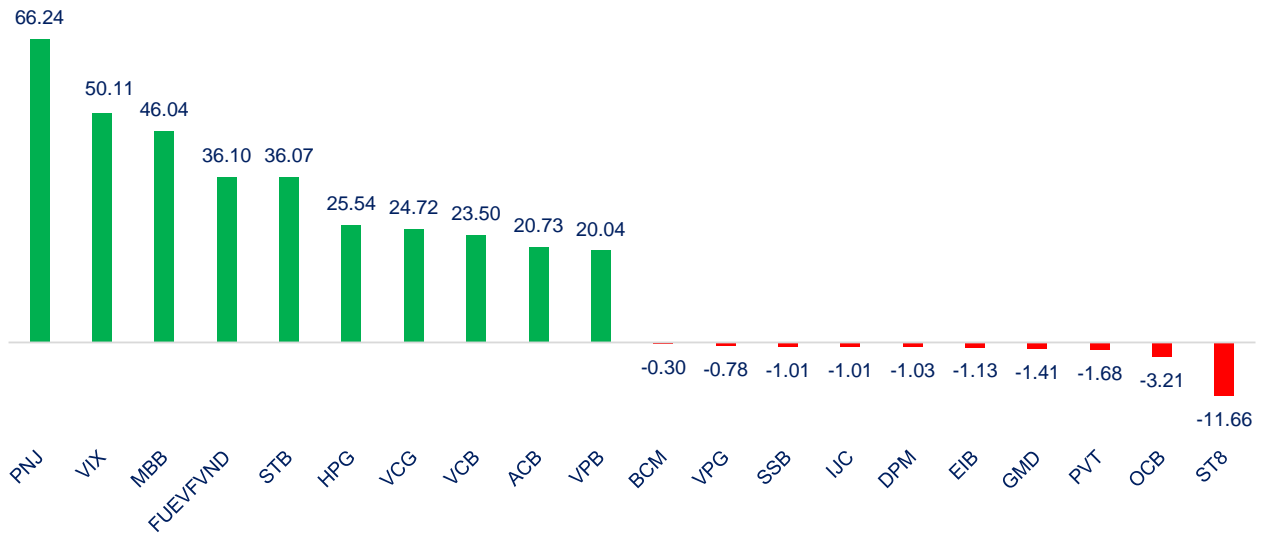


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)